

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỐC OAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 30 tháng 5 năm 2025

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Sỹ Danh Huệ**

2. Ông **Nguyễn Văn Thắng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên tòa:

Bà **Vi Thị Ngọc Kim** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST – HN&GD ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HPT ngày 29 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa lần hai số: 11/2025/QĐST-HPT ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: chị **Đỗ Thu H**, sinh năm 2001; căn cước công dân số: 025301010762 cấp ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; đăng ký thường trú: thôn C, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội;

* Bị đơn: anh **Ngô Thanh H1**, sinh năm 1996; căn cước công dân số: 001096001536 cấp ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tại Cục C; nơi thường trú: thôn C, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội;

Chị H có mặt, anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thu H trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Ngô Thanh H1, sinh năm 1996 có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 52/2020 ký ngày 08 tháng

9 năm 2020. Sau khi kết hôn chúng tôi về sống hạnh phúc được 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra tranh cãi, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Tháng 11 năm 2024 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không quan tâm và không có quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Tôi xác nhận có 01 con chung là cháu Ngô Khánh H2, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2021; sau ly hôn do điều kiện công việc không ổn định, tôi đề nghị giao con chung cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Tôi tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6 năm 2025.

- Về tài sản chung và nhà ở: Tôi xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo về nhà ở.

- Về khoản nợ: Tôi xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**** Bị đơn anh Ngô Thanh H1 trình bày trong bản tự khai như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Đỗ Thu H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Q theo giấy chứng nhận kết hôn số: 52/2020 ngày 08 tháng 9 năm 2020. Sau khi cưới chúng tôi về sinh sống tại: thôn C, xã P, huyện Q. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H làm đơn ly hôn. Tôi đồng ý thuận tình ly hôn với chị H;

- Về con chung: Tôi xác nhận có 01 con chung là cháu Ngô Khánh H2, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2021; sau ly hôn chị H thống nhất giao con chung cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tôi không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Tôi xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Tôi xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Tôi đồng ý để chị H chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và khoản 1 Điều 228, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn anh H1. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Khánh H2, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2021 hai bên có ý kiến đồng ý để anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và ghi nhận sự tự nguyện của chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nhà ở nguyên đơn và bị đơn xác định không có; các khoản vay nợ nguyên đơn, bị đơn xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết; căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, Tòa án đã tiến hành lấy ghi khai của đại diện gia đình bị đơn và đại diện chính quyền địa phương nơi bị đơn cư trú. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt và bảo lưu toàn bộ lời khai tại bản tự khai, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thu H và anh Ngô Thanh H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H

xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1.

[3] Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của ông Ngô Văn G, sinh năm 1965 là bố đẻ của anh H1, nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện Q. Qua trao đổi đại diện gia đình bị đơn cho biết: Về tình cảm: con dâu tôi là Đỗ Thu H và con trai tôi là Ngô Thanh H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị H xin ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Khánh H2, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2021, hiện nay cháu đang ở ổn định với bố và ông bà nội tại thôn C, xã P, huyện Q. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nhà ở: anh chị không có tài sản chung; về khoản nợ: gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ anh chị và anh chị cũng không vay nợ gì gia đình chúng tôi.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương nơi vợ chồng chung sống. Ông Ngô Văn D - Phó Chủ tịch UBND xã P, cho biết: Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thu H và anh Ngô Thanh H1 có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 52/2020. Sau khi cưới anh chị về sinh sống tại thôn C, xã P, huyện Q. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, mặc dù gia đình có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay chị H và anh H1 đã ly thân từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh H1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Khánh H2, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2021. Hiện cháu đang được anh H1 nuôi dưỡng và chăm sóc tại nhà ở thôn C, xã P, huyện Q;

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: về quan hệ hôn nhân chị H, anh H1 kết hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Bị đơn là anh Ngô Thanh H1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và đã có bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, tại bản tự khai anh H1 đồng ý thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: hai bên xác nhận có 01 con chung là cháu Ngô Khánh H2, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2021. Hiện cháu H2 đang ở ổn định, được bố và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng tại thôn C, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội

nên giao con chung cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ: hai bên xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **Đỗ Thu H**;

Chị **Đỗ Thu H** được ly hôn anh **Ngô Thanh H1**.

2. Về con chung: Xác nhận anh, chị có 01 con chung là cháu **Ngô Khánh H2**, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2021; giao anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung kể từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị **Đỗ Thu H** có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): hai bên xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ: hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: chị Đỗ Thu H phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0020314 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2025; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai;
- Chi Cục THA dân sự huyện Quốc Oai;
- UBND xã Phú Cát, huyện Quốc Oai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long